

## VẬN DỤNG MÔ HÌNH VARK VÀO DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 2

Nguyễn Thị Kim Thoa<sup>a\*</sup>, Nguyễn Nguyên Quỳnh Anh<sup>b</sup>

Nhận bài:

21 – 09 – 2018

Chấp nhận đăng:

20 – 12 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

**Tóm tắt:** Ngày nay, mỗi trường lớp học có tính phân hóa cao bởi mỗi người học khác nhau sẽ sở hữu những đặc trưng khác nhau về tâm sinh lí nên họ sẽ có những cách thức khác nhau trong việc tiếp nhận, xử lí và phản hồi thông tin. Nghiên cứu các mô hình phong cách học (PCH) đã được xây dựng và công bố trên thế giới chúng tôi lựa chọn và vận dụng mô hình thích hợp vào dạy học Toán lớp 2 ở Việt Nam, đó là mô hình phong cách học VARK của Fleming với 4 kiểu học khá phổ biến là nhìn, nghe, đọc-viết và vận động. Mặc dù tất cả các giác quan đều được sử dụng trong quá trình học, tuy nhiên với mỗi cá nhân thường có sự ưu tiên nhất định cho một giác quan nào đó mà họ có thể mạnh. Vận dụng vào dạy học môn Toán lớp 2 theo các kiểu học tập của mô hình VARK như thế nào là nội dung chính được bàn luận trong bài viết này.

**Từ khóa:** mô hình VARK; dạy học; dạy học môn Toán lớp 2.

### 1. Đặt vấn đề

Người dạy với vai trò định hướng, hỗ trợ trong quá trình dạy học, luôn mong muốn sẽ có chiến lược dạy học thích hợp để có thể tiếp cận đến từng học sinh (HS) của mình và giúp họ đạt được kết quả tốt nhất trong học tập. Để làm được điều đó, giáo viên (GV) thường phải tích hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong chương trình dạy học để làm cho môi trường lớp học có tính tương tác cao nhất có thể.

HS thường học theo nhiều cách thức khác nhau. Có em học thông qua quá trình quan sát, có em học thông qua nghe giảng, có em thì học thông qua hoạt động/vận động. Người học kiểu nhìn (*visual learners*) thường học tốt nhất bằng cách nhìn. Họ thường hứng thú với cách hoạt động dạy học có sử dụng sơ đồ minh họa, bảng biểu, tranh ảnh, hoặc đoạn phim. Người học kiểu nghe (*aural learners*) thích học bằng cách lắng nghe. Họ có xu hướng nắm bắt thông tin tốt từ các bài thuyết trình, các bài nói chuyện, thảo luận hoặc các đoạn thu âm. Người học đọc - viết (*reading/writing learners*) học tốt nhất bằng việc đọc và viết ra các thông tin trong các tài liệu và có khả năng ghi nhớ rất tốt các thông tin mà họ

được đọc/ viết. Người học kiểu vận động (*Kinesthetic learners*) học tốt nhất khi họ được trải nghiệm, được đụng chạm, sờ mó, thao tác trên chính đối tượng họ đang học. Ngoài ra, mỗi người học có thể ưa thích nhiều phong cách học khác nhau.

Chính vì sự đa dạng này, người GV phải tích hợp trong chương trình dạy học của mình các hoạt động liên quan đến từng kiểu học tập để giúp tất cả HS đều có thể lĩnh hội tri thức theo cách mà họ mong muốn (Cuaresma, 2008).

Trong bài báo này, chúng tôi chỉ tập trung vào đối tượng HS ở đầu cấp Tiểu học. PCH của HS ở lứa tuổi tiểu học đang được hình thành và nó có mối liên hệ nhất định với đặc điểm nhận thức và nhân cách của lứa tuổi. Hoạt động nhận thức của HS giai đoạn này bị chi phối nhiều bởi cảm xúc. Sự tập trung, chú ý của HS lớp 1, 2 còn yếu, thiếu bền vững. Tri giác của các em thường gắn với hành động, với hoạt động thực tiễn của trẻ. Tri giác sự vật có nghĩa là phải cảm nắm, sờ mó các sự vật ấy. Chỉ có những gì phù hợp với nhu cầu của HS, những gì các em thường gặp trong cuộc sống và gắn với các hoạt động của chúng hoặc những gì GV chỉ dẫn thì mới được các em tri giác. Trong lứa tuổi này chú ý không chủ định phát triển, sự chú ý không chủ định càng trở nên mạnh mẽ khi GV sử dụng đồ dùng dạy học đẹp, mới lạ, ít gặp, gọi cho các em cảm xúc tích cực. Vì vậy việc sử dụng đồ dùng dạy học như tranh ảnh, hình vẽ,

<sup>a,b</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

\*Tác giả liên hệ

Nguyễn Thị Kim Thoa

Email: thuba@ier.edu.vn

biểu đồ, mô hình vật thật... là điều kiện quan trọng để tổ chức sự chú ý cho các em (Bùi Văn Huệ, 1997). *Tri giác* của HS đầu cấp Tiểu học còn mang tính đại thể và nặng về tính không chủ định. Do đó, các em phân biệt đối tượng chưa thật chính xác, dễ lẫn lộn. Điều đầu tiên mà HS tiểu học tri giác từ các sự vật hiện tượng là những dấu hiệu, những đặc điểm nào trực tiếp gây cho các em cảm xúc nhất. HS đầu cấp Tiểu học có *trí nhớ* trực quan - hình tượng chiếm nhiều ưu thế hơn trí nhớ từ ngữ - lôgic. Hiệu quả của việc ghi nhớ còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ tập trung trí tuệ của các em, sức hấp dẫn của nội dung tài liệu, yếu tố tâm lý tình cảm hay hứng thú của các em trong lúc học. *Nhân cách* của các em lúc này còn mang *tính tiềm ẩn*, những năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt.

Theo Dunn and Dunn (1978), chỉ có 20-30% HS phổ thông thuộc nhóm người học kiểu nghe, 40% là người học kiểu nhìn và 30-40% là người học kiểu vận động. Đối với HS tiểu học, nghiên cứu của Barbe and Milone (1981) cho thấy 30% học kiểu nhìn, 25% thuộc kiểu nghe, 15% thuộc kiểu vận động và 30% còn lại là hỗn hợp ít nhất hai phong cách. Nghiên cứu của Price, Dunn, and Sanders (1980) cho thấy trẻ càng nhỏ càng có xu hướng thuộc về kiểu động, khả năng học bằng cách nhìn ngày càng tăng trong thời gian tiểu học và chỉ đến khi lớp 6 thì các em mới có thể học và tiếp nhận thông tin qua cách nghe [7, mục 5].

Qua các phân tích trên thì đối với trẻ lứa tuổi đầu cấp Tiểu học phong cách học tập chủ đạo là kiểu nhìn và kiểu vận động. Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy rằng không có một cá nhân HS nào sở hữu một kiểu học duy nhất, mỗi HS có một kiểu học chủ đạo hoặc pha trộn nhiều kiểu học với nhau, cho ra một kết hợp độc đáo giữa những điểm mạnh và các khả năng bẩm sinh. Vì vậy, trong quá trình dạy học đòi hỏi người GV cần nhận biết, định hướng và hình thành PCH đúng đắn cho HS để lựa chọn các phương pháp dạy học, tác động phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học.





## 2. Nội dung

Trên thực tế, có rất nhiều mô hình PCH đã được các nhà khoa học nghiên cứu và công bố. Một số mô hình

tiêu biểu được nhiều người quan tâm tìm hiểu và vận dụng như: i) Mô hình PCH của David Kolb (1984) dựa trên lý thuyết học tập trải nghiệm, David Kolb công bố nghiên cứu về PCH và kể từ đó ông tiếp tục xây dựng mô hình này [10]. Lý thuyết học tập của Kolb giới thiệu: một chu kỳ học tập có 4 giai đoạn và 4 kiểu học tập riêng biệt: *Phong cách học phân kì*; *Phong cách học đồng hoá*; *Phong cách học hội tụ*; *Phong cách học điều chỉnh*. Mô hình do Kolb đưa ra là một trong rất nhiều mô hình đã được nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục. Đóng góp lớn của Kolb chính là đã đem đến những kiểu học tập khác nhau, định hướng cho việc dạy và học. ii) Mô hình phong cách học của Honey và Mumford...[3, tr.49] Dựa trên mô hình của Kolb, Peter Honey và Alan Mumford đã xây dựng nên công cụ đo lường LSI và phân chia thành 4 loại phong cách học. Bao gồm: *PCH hành động*, *PCH suy ngẫm*, *PCH lý thuyết*, *PCH thực tế*. Mô hình của Honey - Mumford được sử dụng phổ biến cho đối tượng người lớn, phục vụ cho công tác quản lý là chủ yếu, không phù hợp với đối tượng HS ở tiểu học. iii) Mô hình PCH của Dunn và Dunn [6] thì phức tạp hơn. Nhóm nghiên cứu chia PCH thành 5 kích thích (*stimuli*) gồm: môi trường, xã hội, cảm xúc, tâm lý và sinh lý. iv) Mô hình PCH VARK của Neil Fleming.

### 2.1. Mô hình phong cách học Vark

Mô hình phong cách học VARK của Fleming (Đại học Lincoln, New Zealand) ra đời từ năm 1987, đã xây dựng nên bộ công cụ phân loại kiểu học được sử dụng cho nhiều đối tượng ở các lứa tuổi khác nhau. PCH theo mô hình VARK của Neil Fleming (*Visual, Auditory, Read/Write, Kinesthetic*) phân loại người học dựa trên ưu thế về học kiểu nhìn (tranh ảnh, phim, sơ đồ); học kiểu nghe (âm nhạc, thảo luận, thuyết trình); học kiểu đọc và viết (tạo danh sách, đọc sách giáo khoa, ghi chép) hoặc học kiểu vận động (chuyên động, thí nghiệm, hoạt động thực hành) (Fleming, 2011) [8]. Mô hình VARK của Fleming hiện nay đang được sử dụng rộng rãi trong giáo dục, đặc biệt là cho đối tượng HS nhỏ tuổi.

 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xử lí và ghi nhớ thông tin qua quan sát, hình ảnh;</li> <li>• Thích tự đọc và tự thấy mọi thứ trực tiếp;</li> <li>• Khó xử lí thông tin khi học theo cách nghe giảng bài thuần túy, phổ biến ở các trường công lập trước đây.</li> </ul>	 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xử lí và ghi nhớ thông tin qua âm thanh;</li> <li>• Thích lắng nghe, và ghi nhớ tốt hơn khi nghe giảng bài;</li> <li>• Khó tiếp thu khi môi trường học không yên tĩnh, do dễ bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn, hoặc thể loại nhạc không hợp "gu".</li> </ul>	 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xử lí và ghi nhớ thông tin dưới dạng chữ, như ghi chú, danh sách...;</li> <li>• Thích đọc sách, truyện nhiều chữ và viết lách;</li> <li>• Khó xử lí thông tin khi thiếu thông tin ghi chép của chính mình.</li> </ul>	 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xử lí và ghi nhớ thông tin qua vận động;</li> <li>• Thích tìm hiểu và khám phá mọi thứ xung quanh, học tốt nhất bằng trải nghiệm;</li> <li>• Không thể ngồi yên một chỗ quá lâu. Đọc, viết thường chậm, và có xu hướng bỏ qua các hướng dẫn, lí thuyết bằng chữ.</li> </ul>
---	--	--	--

**Bảng tóm tắt các đặc điểm đặc trưng của mô hình VARK**

*Người học kiểu nhìn (Visual learners):*

HS thích theo dõi nét mặt và ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ của GV để hiểu sâu bài học; có khả năng suy nghĩ bằng hình ảnh và nhớ nhanh những thứ giàu hình ảnh; thích chọn vị trí ngồi bàn đầu để học; thích làm việc với các tài liệu học tập có nhiều màu sắc, hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, bản đồ; thích lập kế hoạch cho việc học bằng cách ghi ra nội dung các công việc sẽ thực hiện ra giấy nhớ; khi đọc sách, thường dùng bút gạch chân hoặc tô màu vào các thông tin quan trọng cần ghi nhớ; để phản hồi thông tin tới người dạy, người học kiểu nhìn thường thích trưng bày, triển lãm (thông qua hình ảnh trực quan hoặc qua ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ) các thông tin hơn là phải diễn đạt bằng lời nói; khi giờ học GV thuyết giảng nhiều thường khiến HS bị mất tập trung và có xu hướng mơ mộng đến hình ảnh nào đó trong đầu.

*Người học kiểu nghe (Aural/auditory learners):*

Thích trao đổi trực tiếp dưới dạng nghe nói; nhạy cảm với giọng nói, âm lượng, ngữ điệu; các thông tin bài học phải được đọc lên mới nhớ và hiểu sâu hơn; thích nghe các chỉ dẫn bằng lời nói hơn là xem tranh ảnh, bản đồ; thích sử dụng nhịp điệu để ghi nhớ thông tin; thích nghe GV giảng giải, thích làm việc với các tài liệu âm thanh (băng cat-set), sách điện tử âm thanh; thích nói chuyện với bạn bè vào giờ nghỉ giải lao.

*Người học kiểu đọc - viết (Reading and Writing learners):*

Thích trao đổi - tiếp nhận thông tin dưới dạng chữ viết; các thông tin bài đọc phải được trình bày dưới dạng kênh chữ mới nhớ và hiểu sâu hơn; thích sử dụng chữ viết để diễn đạt ý tưởng, tình cảm, thái độ của mình; thích đọc sách để chiếm lĩnh thông tin mới; thích GV sử dụng máy chiếu có các kênh chữ.

*Người học kiểu vận động (Kinesthetic learners):*

Thích được tham gia các hoạt động học tập thực hành, thí nghiệm, quan sát thực tế; thích được sử dụng đôi tay trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập (sờ, mó, thao tác,...); thích khám phá thế giới xung quanh; rất khó chịu nếu thầy cô yêu cầu ngồi yên một chỗ quá lâu; thích các trò chơi học tập, trò chơi đóng vai; thích tham gia các hoạt động vận động cơ thể: chạy, nhảy, múa;... (thích phối hợp hoạt động của tay, chân) khi thực hiện các nhiệm vụ học tập theo nhóm; thích sử dụng phối hợp ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi diễn đạt một nội dung thông tin nào đó; khi đọc bài thường dùng ngón tay di chuyển theo các từ; để ghi nhớ thông tin thường phải viết đi viết lại nhiều lần, kết hợp di chuyển trong quá trình học bài.

Mỗi HS khác nhau sẽ hình thành PCH khác nhau, không nên đánh giá phong cách nào là ưu thế hơn các phong cách còn lại (D. MacKeracher, 2004). Cũng

giống như các lí thuyết PCH khác, giá trị của mô hình VARK đã và đang được sử dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam mô hình này cũng đã được nghiên cứu nhưng chưa được áp dụng trong dạy học môn Toán ở phổ thông, đặc biệt là đối với lứa tuổi đầu cấp Tiểu học. Qua nghiên cứu, chúng tôi cho rằng vận dụng mô hình VARK trong dạy học môn Toán lớp 2 sẽ tạo động cơ học tập cho HS bởi những lí do sau:

*Thứ nhất*, mô hình VARK là mô hình đơn giản và dễ hiểu nhất nên dễ vận dụng. Mô hình này được sử dụng phổ biến, rộng rãi trong các trường học trên thế giới đặc biệt là dành cho đối tượng HS nhỏ tuổi.

*Thứ hai*, mô hình VARK nhấn mạnh đến quá trình tiếp nhận và xử lí thông tin dựa vào yếu tố giác quan - phù hợp với đặc điểm nhận thức và nhân cách của HS đầu cấp tiểu học. Mô hình này có cơ sở sinh lí thần kinh - mang tính bền vững, nó liên quan chặt chẽ đến chức năng tâm lí chuyên biệt tương ứng với mỗi thùy (vùng) trên vỏ não. Dựa theo chức năng, cấu trúc và cách sắp xếp của các tế bào thần kinh, đại não được chia thành 4 vùng chính tổng quát (thùy trán, thùy đỉnh, thùy thái dương và thùy chẩm). Mỗi thùy đó sẽ có thùy phát triển nổi trội hơn làm cho người học chiếm ưu thế mạnh ở chức năng đó.

*Thứ ba*, với người lớn thông qua trải nghiệm thực tế và thời gian dần dần nhận biết được PCH của riêng mình để từ đó điều chỉnh cách học sao cho phù hợp và nâng cao thành tích nhưng với HS ở lứa tuổi tiểu học rất khó tự xác định PCH của bản thân. Cho nên sử dụng mô hình VARK có điều kiện thuận lợi trong việc vận dụng và điều chỉnh bộ công cụ khảo sát PCH sẵn có sao cho phù hợp với đặc điểm đối tượng HS lớp 2. Khám phá được PCH của HS, GV sẽ hướng dẫn được cách học hiệu quả nhất cho các em.

*Thứ tư*, do đặc điểm của môn Toán là môn học có tính trừu tượng, khái quát, đối tượng học tập của môn Toán ở tiểu học thường là các sự vật, tình huống tự nhiên, xã hội gần gũi, quen thuộc gắn với cuộc sống hàng ngày nên các em có thể tri giác một cách cụ thể về các đối tượng đó. Hơn nữa con đường hình thành kiến thức thường theo trật tự từ trực quan cụ thể mới đến tư duy trừu tượng; từ hình thành biểu tượng mới đến khái quát hóa thành khái niệm. Do vậy, quá trình học tập bao giờ cũng bắt đầu từ các hoạt động có sự tham gia tối đa của các giác quan để giúp người học tri giác về đối

tượng và sự vật.

*Thứ năm*, về mặt thực tế, sử dụng bộ công cụ VARK dễ dàng giải thích, tự chấm điểm, không chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài đồng thời mất ít thời gian tiến hành vừa phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học cho nên chúng tôi đã lựa chọn cách phân loại PCH theo mô hình VARK để nghiên cứu và thiết kế bài học môn Toán lớp 2.

## 2.2. Nguyên tắc vận dụng mô hình VARK trong dạy học Toán lớp 2

Việc vận dụng mô hình VARK vào dạy học môn Toán lớp 2 nhằm hình thành PCH cho HS phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

i) Đảm bảo mục tiêu dạy học, chuẩn kiến thức kĩ năng môn Toán lớp 2

Đối với môn Toán lớp 2, cần đáp ứng được 3 mục tiêu: kiến thức, kĩ năng và thái độ. Ngoài ra, dạy học môn Toán ở lớp 2 nói riêng cần hướng đến việc xây dựng phương pháp học tập hướng vào quá trình hình thành tính tích cực, chủ động sáng tạo của HS, giúp HS tự biết cách học toán có hiệu quả.

ii) Đảm bảo phát huy thế mạnh về phong cách học của mỗi HS

Nguyên tắc này đòi hỏi GV phải nhận thức rõ đặc điểm từng PCH, sự thể hiện của PCH vào học tập môn Toán để từ đó đề ra những biện pháp tác động dạy học phù hợp nhằm giúp HS hình thành PCH cho riêng mình.

iii) Đảm bảo phát triển các năng lực Toán học của học sinh.

Quá trình dạy học hình thành PCH của HS cần thể hiện được việc tạo điều kiện cho HS có cơ hội tự làm chủ kiến thức, kĩ năng phù hợp với PCH bản thân, góp phần phát triển các năng lực cần đạt được trong chương trình môn Toán 2.

iv) Phát huy vai trò tổ chức, định hướng, hỗ trợ của GV trong dạy học Toán

Quy trình dạy học vận dụng mô hình VARK nhằm hình thành PCH của HS cần được xây dựng cụ thể để chỉ dẫn rõ ràng cho GV từng bước đi khi thực hiện tổ chức, lập kế hoạch dạy học và hướng dẫn quá trình dạy học sao cho bản thân người học có cơ hội học tập, khám phá tự tìm ra kiến thức. Đảm bảo vai trò của GV là người tổ chức, thiết kế, định hướng, giúp đỡ, tạo điều kiện cho người học trên cơ sở phát huy thế mạnh, nhu cầu của người học dựa vào PCH.

v) Đảm bảo tính thực tiễn và hiệu quả quá trình dạy học

Xây dựng quy trình dạy học vận dụng mô hình VARK cần chú trọng tới tính khả thi, phải dễ hiểu, dễ tiếp nhận, phù hợp với đặc điểm HS, điều kiện thực tiễn và năng lực của GV, có thể dễ dàng vận dụng trong quá trình dạy học ở tiểu học. Đồng thời nội dung quy trình được đưa ra phải có tính thiết thực, phục vụ trực tiếp quá trình dạy học ở tiểu học nói chung và dạy học môn Toán 2 nói riêng. Quan trọng hơn cả, nó phải có tác động tích cực tới hiệu quả dạy học, giúp cho trí não của HS hoạt động, nhận thức sâu sắc hơn để xác định đúng vấn đề.

### 2.3. Quy trình vận dụng mô hình VARK trong dạy học Toán lớp 2

Quá trình tổ chức hoạt động dạy học vận dụng mô hình VARK được thực hiện theo các bước:

#### **Bước 1: Nhận diện kiểu học của học sinh**

Sử dụng bộ câu hỏi khảo sát của Fleming (*Phụ lục 2*), kết hợp với sự quan sát trong các tiết học Toán để nhận diện kiểu học của từng HS, chia nhóm học tập.

#### **Bước 2: Xây dựng kế hoạch bài học**

- Xác định mục tiêu bài dạy: xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất của HS cần đạt qua bài học.

- Thiết kế các hoạt động chủ yếu của bài học.

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: trên cơ sở xác định mục tiêu, xây dựng các hoạt động dạy học chủ yếu, GV cần chuẩn bị các đồ dùng dạy học cần thiết cho HS thao tác như: Phiếu học tập, bảng nhóm, thẻ màu, que tính... và các phương tiện dạy học cần thiết như máy chiếu, phim, ảnh, đoạn âm thanh...

#### **Bước 3: Thực hiện dạy học theo kế hoạch bài học**

Trên cơ sở kế hoạch bài học đã xây dựng, GV tiến hành dạy học theo kế hoạch bài học. Trong quá trình dạy, cần lưu ý dự đoán những khó khăn, những tình huống sư phạm có thể gặp phải để có hướng giải quyết, can thiệp kịp thời nhằm định hướng lại hoạt động của HS theo đúng ý định ban đầu của người dạy.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả học tập của học sinh**

Đánh giá thái độ HS tham gia các hoạt động, quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin theo nhóm học tập.

GV bổ sung thêm các thông tin còn thiếu, loại bỏ các thông tin thừa và chính xác hóa kiến thức. Khi GV

kết luận, chính xác hóa kiến thức cần kết hợp các giác quan khác nhau khi trình bày thông tin như: lời nói, hình ảnh, cử chỉ điệu bộ... GV nhận xét nội dung thực hiện nhiệm vụ của HS đồng thời GV phải đưa ra hệ thống nhận xét chỉ rõ những mặt mạnh mà các em đã đạt được đồng thời chỉ ra những hạn chế cần khắc phục, từ đó GV đưa ra các biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ em HS đó cải thiện điểm yếu của bản thân và nâng cao khả năng học tập.

Sau đây là một thiết kế minh họa, bài học: **Chu vi hình tam giác - Chu vi hình tứ giác (Toán 2, trang 130)**

#### **Bước 1: Nhận diện kiểu học của học sinh**

Dựa vào dữ liệu về PCH của mỗi HS đã được GV thu thập từ trước GV tiến hành chia nhóm học tập (áp dụng trong tiến trình thực hiện *Bước 3*)

#### **Bước 2: Xây dựng kế hoạch bài học**

i) Xác định mục tiêu bài dạy:

- Học sinh bước đầu có được biểu tượng chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác; nắm được cách tính chu vi các hình này.

- Học sinh tính được chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác, vận dụng thực hành các bài tập SGK.

- Học sinh kết hợp được các yếu tố nghe-nhìn-đọc-viết và vận động, tăng tính sáng tạo, tích cực hợp tác trong nhóm và đoàn kết.

ii) Thiết kế các hoạt động chủ yếu của bài học:

Hoạt động 1: Hình thành biểu tượng chu vi và cách tính chu vi hình tam giác

Hoạt động 2: Hình thành cách tính chu vi hình tứ giác

Hoạt động 3: Thực hành - Vận dụng

iii) Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

- Phiếu học tập, mô hình hình tam giác, hình tứ giác, dây kẽm, cuộn len,...

- Bút màu, bút mực.

#### **Bước 3: Thực hiện dạy học theo kế hoạch bài học**

(Trong bước này bài viết chỉ tập trung trình bày và phân tích tiến trình dạy học của hoạt động 1 để thấy rõ ý đồ vận dụng mô hình VARK.)

**Hoạt động 1: Hình thành biểu tượng chu vi và cách tính chu vi hình tam giác**

- Học sinh nêu những vật, đồ vật... có dạng hình chữ nhật và hình tứ giác trong đời sống hằng ngày mà

các em thường gặp.

- Giáo viên gắn thẻ màu có hình tam giác ABC, yêu cầu HS nhận dạng về hình dạng và số lượng đoạn thẳng trên thẻ màu (các đoạn thẳng đó tương ứng với các cạnh của mỗi hình).

- Giáo viên chia học sinh thành 4 nhóm và phát phiếu học tập cho mỗi nhóm.

- Học sinh thảo luận hoàn thành phiếu học tập.

- Đại diện của các nhóm trình bày nêu kết quả làm việc và lí giải cho kết luận của mình. Cả lớp lắng nghe, nhận xét phần trình bày của bạn.

- Học sinh tự rút ra công thức tính chu vi hình tam giác.

- Giáo viên nhận xét, chốt lại bài làm đúng.

Giáo viên có thể gợi ý để HS sáng tác những câu thơ để ghi nhớ cách tính chu vi hình tam giác, chẳng hạn:

Chu vi tam giác lạ thay

Ba cạnh cộng lại đúng ngay bạn à.

### ❖ Phân tích các kiểu học của mô hình VARK trong hoạt động 1

- Hoạt động HS nhìn vào thẻ màu để nhận dạng hình và số lượng đoạn thẳng, thông qua hình ảnh màu sắc để suy nghĩ và tăng khả năng ghi nhớ bằng hình ảnh (kiểu học nhìn).

- Ở yêu cầu số 1 đến số 4 của phiếu học tập, HS nhận dạng hình, điểm để nói các điểm lại với nhau tạo

thành hình tam giác, xác định các cạnh và tên gọi của cạnh thông qua hình vừa vẽ. HS hoạt động vận động để trải nghiệm (đo độ dài các cạnh) (kiểu học kiểu học nhìn và vận động).

- Ở hai yêu cầu 5 và 6 của phiếu học tập, HS đọc yêu cầu và gạch chân dưới những từ khóa của yêu cầu, sau đó viết phép tính, tiến hành tính kết quả. Thảo luận để hình thành biểu tượng về chu vi và rút ra kết luận về cách tính chu vi hình tam giác (kiểu học đọc-viết).

- Trong quá trình tiến hành hoạt động nhóm, HS được tự do trao đổi, thảo luận, trình bày cách làm của mình và thống nhất kết quả với nhóm, HS sáng tác thơ,... sẽ góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận, năng lực giao tiếp toán học.

### Bước 4: Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đánh giá thái độ và mức độ đạt được của HS trong quá trình nhận biết biểu tượng chu vi hình tam giác, tứ giác và kết quả tính toán chu vi các hình này.

Tóm lại, HS được tự mình xác định, vẽ, trải nghiệm cũng như được trình bày ý kiến của riêng mình dù đúng hay sai. Điều này sẽ giảm bớt sự tự ti cho các em, tăng khả năng làm việc nhóm, sự sáng tạo trong cách suy nghĩ và lập luận. Các em ghi nhớ kiến thức do mình tự rút ra một cách dễ dàng hơn là việc GV truyền thụ kiến thức đó. Từ đó HS thích thú hơn với việc học Toán, lưu giữ thông tin chắc chắn hơn và có thể phản hồi thông tin với giáo viên.

<b>PHIẾU HỌC TẬP</b>	
	<ol style="list-style-type: none"> <li>Dùng bút màu nối 3 điểm A, B, C để được hình tam giác ABC.</li> <li>Đọc tên hình tam giác.</li> <li>Hình tam giác ABC có ... cạnh, đó là các cạnh: .....</li> <li>Đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC, viết số đo mỗi cạnh vào chỗ chấm thích hợp. AB = ..... cm; AC = ..... cm; BC = ..... cm</li> <li>Tổng độ dài 3 cạnh hình tam giác là: .....</li> <li>Biết tổng độ dài 3 cạnh chính là chu vi hình tam giác. Chu vi hình tam giác ABC là: .....</li> </ol>

### 3. Kết luận

Dạy học để hình thành phong cách học cho HS sẽ tạo cơ hội phát triển năng lực toán học, thúc đẩy và hỗ

trợ kĩ năng học tập độc lập, phát huy tính sáng tạo, ý tưởng tích cực trong suy nghĩ của học sinh.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học

theo kế hoạch bài học đã thiết kế theo mô hình VARK, chúng tôi nhận thấy học sinh rất tích cực, chủ động học tập, tự giác, có ý tưởng xử lý mà không cần GV, các em tự tìm ra cái mới và thích thú với những điều vừa tìm được. Nhiều HS tỏ ra rất thích khi được ngồi học theo nhóm, làm việc cá nhân trên các thẻ màu và dán các thẻ màu vào vở học thay vì trình bày bài làm vào vở như tiết học thông thường. Từ đó, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, với từng kiểu bài tập khác nhau, HS có thể vận dụng từng PCH phù hợp để áp dụng vào thực hiện nhanh các bài tập mà không cần GV định hướng. Tỷ lệ HS ghi nhớ ngay công thức tính chu vi cao hơn, bền vững hơn sau khi kết thúc hoạt động hình thành kiến thức.

Tóm lại, dạy học theo phong cách học làm thay đổi vai trò của GV trong lớp học truyền thống. GV cần hiểu biết đặc điểm nổi trội cũng như tính cách của người học, tôn trọng suy nghĩ, ý tưởng của các em, đồng thời phát triển một tiến trình dạy học hợp tác, chia sẻ giữa GV và HS, giúp người học dễ dàng tiếp thu, ghi nhớ thông tin một cách hiệu quả, mở rộng vốn kinh nghiệm của bản thân. Thiết kế dạy học theo phong cách học là tạo dựng môi trường học tập hiệu quả, giúp phát huy tối đa năng lực của mỗi HS cũng như kích thích sự tìm tòi và tăng khả năng sáng tạo cho học sinh.

“Nếu trẻ không thể học theo cách chúng ta dạy... thì chúng ta phải dạy theo cách chúng có thể học.” (Tiến sĩ Tâm lý học Ivar Lovaas) [13].

### Tài liệu tham khảo

- [1] Barbe, W. B., & Milone, M. N. (1981). What we know about modality strengths. *Educational Leadership*, 38 (5), 378-380.
- [2] Bùi Văn Huệ (1997). *Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi*. NXB Giáo dục, Hà Nội

- [3] Coffield, F., Moseley, D., Hall, E., Ecclestone, K. (2004). *Learning Styles and Pedagogy in Post-16 Learning: A systematic and critical review*. www.LSRC.ac.uk: Learning and Skills Research Centre.
- [4] Cuaresma, J. (2008). *Learning style preferences and academic performance of PHEM majors at the University of the Cordilleras*. Unpublished Undergraduate Thesis. University of the Cordilleras, Baguio City.
- [5] Cynthia Ulrich Tobias (1994), *Mỗi đứa trẻ một cách học - Đi tìm PCHT của con bạn*, NXB Lao động - Xã hội.
- [6] Dunn, R., & Dunn, K. (1978). *Teaching Students through their Individual Learning Styles*. A Practical Approach. Prentice Hall, Reston, VA., ISBN: 10: 0879098082, 336.
- [7] Gilakjani, A. P. (2012). Visual, Auditory, Kinaesthetic Learning Styles and Their Impacts on English Language Teaching, *Journal of Studies in Education*, ISSN: 2162-6952, Vol. 2, No. 1.
- [8] Fleming, Neil D. (2011). *Teaching and Learning styles VARK: Strategies*. Christchurch, N.Z.
- [9] Honey, P. & Mumford, A. (1982) *Manual of Learning Styles* London: P Honey
- [10] Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development* (Vol. 1). Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
- [11] Nguyễn Thị Hồng Chuyên (2016), *Dạy học ở tiểu học dựa vào phong cách học tập của học sinh*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [12] Price, G. E., Dunn, R., & Sanders, W. (1980). *Reading achievement and learning style characteristics*. The Clearing House, 5, 223-226. Publication. ISBN: 975-337-043-1.
- [13] <https://www.pinterest.com/pin/561753753496018964/>

## VAR K – MODEL OF LEARNING STYLE IN 2<sup>nd</sup> GRADE MATH TEACHING

**Abstract:** In present-day classes, the differentiation is dramatically increasing. Because of owning psychological characteristics, each learner has their own ways to input, handle and response. There is a research about model of learning style (MLS), which was conducted and published over the world. Basing on the research, we have selected and applied the most suited model to 2<sup>nd</sup> grade Math teaching in Viet Nam. VARK - a model of learning style of Fleiming, comprises 4 typical methods; watching, listening, reading - writing and practicing. During the process of gaining particular knowledge, learners make use of entire senses. Despite that, each individual has a certain priority to the senses, which is one of their strengths. In this article, we discuss on the topic of taking 4 methods in model of learning style VARK into 2<sup>nd</sup> grade Math teaching.

**Key words:** VARK - model; teaching; 2<sup>nd</sup> grade Math teaching.